

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MÊ LIN NĂM 2019



Hà Nội, tháng 3/2020

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	1
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	1
4. Định hướng phát triển.....	4
5. Các rủi ro	4
II. Tình hình hoạt động trong năm	5
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	5
2. Tổ chức và nhân sự.....	5
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính.....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu)	12
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	12
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
2. Tình hình tài chính.....	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	16
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.....	16
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:	17
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	17
V. Quản trị công ty.....	17
1. Hội đồng quản trị.....	18
2. Ban Kiểm soát	20
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	24
VI. Báo cáo tài chính.....	25
1. Ý kiến kiểm toán:	25
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	25

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Cơ cấu lao động.....	10
Bảng số 2: Tình hình tài chính	11
Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	11
Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông.....	12
Bảng số 5: Tình hình tài sản.....	15
Bảng số 6: Tình hình công nợ	15
Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2019	19
Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát	24
Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức.....	1

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thép Mê Lin
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 05 tháng 05 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*)
- Địa chỉ: Khu hành chính số 8 - Phường Đồng Đa - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc
- Số điện thoại: (024) 35840545
- Fax : (024) 35840544
- Website: <http://melinsteel.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): MEL

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Thép Mê Lin chính thức được thành lập và hoạt động từ tháng 1 năm 2003 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1902000310 do Phòng ĐKKD - Sở KH&ĐT Tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Sau một thời gian hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, các thành viên của HĐQT quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty sang mô hình công ty cổ phần. Đến ngày 02/10/2015, Công ty TNHH Thép Mê Lin chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với 03 cổ đông sáng lập, đăng ký Vốn điều lệ là 120.000.000.000 đồng.

Tháng 11/2016, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ. Ngày 14/11/2016, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với số vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng.

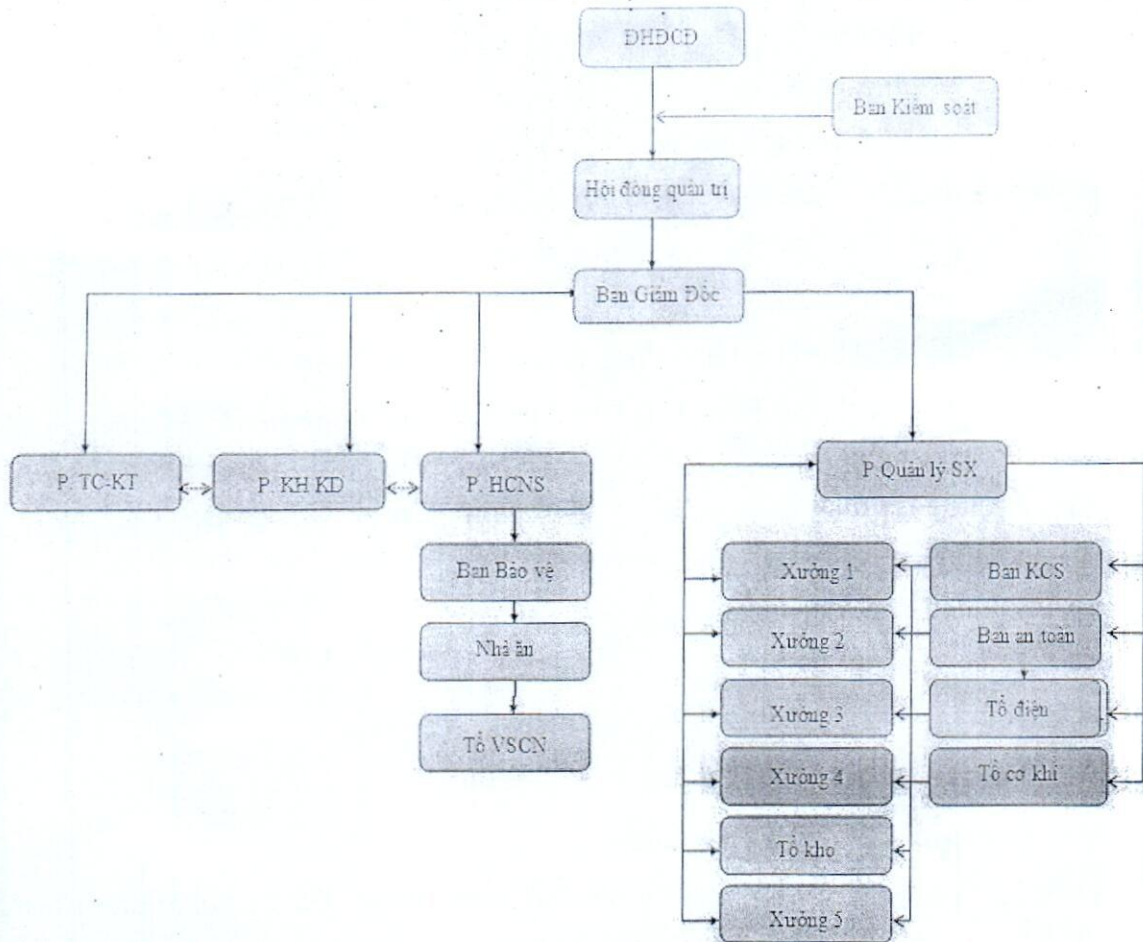
Ngày 16/08/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 625/QĐ-SGDHN về việc Chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Thép Mê Lin.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các cấu kiện kim loại, Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.
- Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức



(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển... của Công ty theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội.

Hội đồng quản trị

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 Chủ tịch và 03 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. Sau ngày 15/07/2019, Hội đồng quản trị còn 2 thành viên. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên. Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán,

thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

✦ **Ban Giám đốc**

Bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực. Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

✦ **Phòng Tài chính – Kế toán**

Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

Quản lý, theo dõi chặt chẽ công nợ, định kỳ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, dự báo rủi ro nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, tài sản và bảo toàn, phát triển vốn.

✦ **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

Chủ trì xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển và mở rộng thị trường; kế hoạch đầu tư và xúc tiến đầu tư (trung, dài hạn); xây dựng kế hoạch SXKD.

Chịu trách nhiệm thương thảo, tổ chức giao kết hợp đồng, các đơn hàng sản xuất, đặt hàng và mua sắm tài sản, VTVL phục vụ kế hoạch SXKD hằng năm; chủ trì hoặc phối hợp xây dựng mức khoán chi phí, nhiên liệu, điện, dịch vụ thuê ngoài hoặc chi phí khoán bằng tiền và hiện vật khác.

✦ **Phòng Hành chính – Nhân sự**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

✦ **Phòng Quản lý sản xuất**

Tham mưu cho Ban Giám đốc công ty trong công tác hoạch định tổ chức sản xuất, bố trí nguồn nhân lực phù hợp nhằm đảm bảo kế hoạch mục tiêu của công ty theo tháng/quý/năm.

Khai thác và vận hành hiệu quả hệ thống dây chuyền công nghệ của công ty hướng tới chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu khách hàng và tiết kiệm nhiên nguyên vật liệu

✚ Các công ty con và công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đề ra;

+ Từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiết kiệm chi phí.

+ Khai thác, sử dụng giữ gìn tốt phương tiện vận tải, dây chuyền sản xuất. Rà soát xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp điều kiện SXKD.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Liên doanh hợp tác đầu tư xây dựng với các đối tác khác để có thể cung cấp thép xây dựng, thép thành phẩm vào các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng

+ Đầu tư, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp khác vào lĩnh vực Logistic...

5. Các rủi ro

✚ Rủi ro kinh tế

Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống được tạo ra từ yếu tố kinh tế vĩ mô (ví dụ như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá, lãi suất...) đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Thép Mê Lin Vĩ nói riêng. Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Tuy nhiên nếu nền kinh tế suy thoái các yếu tố lạm phát, tỷ giá, lãi suất sẽ tăng cao là cho các nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh là rào cản cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam năm 2019 đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 ước tính tăng 7,02%. Điều này thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các thành phần kinh tế và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của các tổ chức niêm yết chứng khoán.

✚ Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Thép Mê Lin là một doanh nghiệp đại chúng mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm:

Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Các chỉ tiêu chính đạt được tính đến 31/12/2019

Chỉ tiêu	Thực tế năm 2017 (Tỷ đồng)	Thực tế năm 2019 (Tỷ đồng)	% Tăng trưởng
Tổng doanh thu	1.024,3	1.075,7	+5.02%
Tổng chi phí	1.006,2	1.067,01	+6.04%
Lợi nhuận trước thuế	18,12	8,69	-52.04%
Lợi nhuận sau thuế	14,20	6,87	-51.62%

2. Đánh giá chung

Năm 2019, đánh dấu một năm đạt nhiều thành tựu của nền kinh tế Việt Nam với mức tăng trưởng GDP đạt 7,02% - mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Với sự tăng trưởng của nền kinh tế kéo theo sự tăng trưởng của ngành công nghiệp chế biến chế, ngành xây dựng và lĩnh vực bất động sản phục hồi là những nhân tố giúp cho ngành thép tăng trưởng khá trong Quý III và Quý IV năm 2019. 9 tháng năm 2019, giá cả mặt hàng thép tương đối ổn định. Vào tháng 5 năm 2018, Bộ Thương mại Mỹ tuyên bố áp thuế 25% đối với mặt hàng thép (theo Mục 232 của Đạo luật Mở rộng thương mại 1962) đã khơi mào cho cuộc bùng nổ điều tra toàn cầu. Sau Mỹ, Canada, EU, Thổ Nhĩ Kỳ, Liên minh Á - Âu cũng điều tra để áp dụng biện pháp tự vệ đối với toàn bộ ngành thép nên tiêu thụ thép toàn thị trường giảm so với cùng kỳ năm 2018. Lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt nam tăng cao, xu hướng bảo hộ thương mại tại các quốc gia nhập khẩu, kết hợp với nhà máy thép của Công ty Gang thép Fomosa Hà Tĩnh đi vào hoạt động 2 lò cao gần hết công suất 7,5 triệu tấn/năm đã làm cho các chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận của Công ty cũng bị ảnh hưởng, sụt giảm nhiều

Với Công ty cổ phần thép Mê Lin, năm 2019 được coi là năm quan trọng, đánh dấu năm thứ 3 khi công ty trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Bằng sự cố gắng và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty CP Thép Mê Lin đã tạo nên kết quả kinh doanh thành công trong khi các yếu tố thị trường có nhiều

biến động.

Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2019 của công ty:

- Doanh thu đạt 1.075,7 tỷ đồng tăng hơn 5,02% so với năm 2018 nhưng lợi nhuận sau thuế 6,8 tỷ đồng sụt giảm tương ứng 51,6% so với năm 2018. Hoạt động đầu tư của công ty trong lĩnh vực bất động sản tại dự án 75 Tam Trinh đã hoàn. Dự án đầu tư nhà máy liên hiệp cắt xẻ thép và chế biến than tại Hải phòng đã hoàn thiện giai đoạn 1 và đã đi vào hoạt động ổn định, tăng trưởng có lãi trong năm 2019
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 là 184,7 tỷ tăng 3,7% so với năm 2018.
- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2019 là 649,1 tỷ giảm 9,6% so với năm 2018
- Tổng nộp ngân sách nhà nước 1,8 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

✚ Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Quang	Tổng Giám đốc
2	Bà Lê Thị Hương Giang	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Đỗ Thị Kiệt	Kế Toán trưởng

✚ Lý lịch thành viên Ban điều hành

HỌ TÊN: PHẠM QUANG

- Số CMND : 001070014634 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 06/02/2018
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/10/1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Số 315 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư luyện kim
- Quá trình Công tác
Từ tháng 01/1994 đến tháng 09/2001 : Phó Giám đốc Công ty TNHH Đông Á
Từ tháng 11/2001 đến tháng : Nhân viên bán hàng Văn phòng Đại diện – Công

- 09/2005 : *ty Nippon Steel Trading tại Hà Nội*
Từ tháng 01/2003 đến tháng 06/2007 : *Phó Giám đốc Công ty TNHH Thép Mê Lin*
Từ tháng 07/2007 đến tháng 09/2015 : *Giám đốc Công ty TNHH Thép Mê Lin*
Từ tháng 01/2010 đến nay : *Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kim Khí Việt*
Từ tháng 10/2015 đến nay : *Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần Thép Mê Lin*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : *Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Mê Lin*
 - Chức vụ ở tổ chức khác : *Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kim Khí Việt*
 - Số cổ phần nắm giữ : *818.000 cổ phần, chiếm 5,45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty*

Trong đó:

- + *Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu* : *818.000 cổ phần, chiếm 5,45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.*
- + *Số lượng cổ phần đại diện sở hữu* : *00 cổ phần*
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : *100 cổ phần, chiếm 0,0007% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.*

Trong đó: Vợ Lê Thanh Hà sở hữu 100 cổ phần, chiếm 0,0007% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

HỌ TÊN: LÊ THỊ HƯƠNG GIANG

- Số CMND : 001168009130 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/02/2017
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 17/12/1968

- Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú : Số 74 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 - Quá trình Công tác
- Từ tháng 09/1992 đến tháng 02/1997 : Nhân viên Phiên dịch Công ty Cơ khí Lâm Nghiệp*
- Từ tháng 04/1997 đến tháng 12/2008 : Trưởng phòng bán hàng Văn phòng đại diện Công ty Nippon Steel Trading tại Hà Nội*
- Từ tháng 01/2003 đến tháng 05/2005 : Thành viên trong Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thép Mê Lin*
- Từ tháng 06/2005 đến tháng 09/2015 : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thép Mê Lin*
- Từ tháng 01/2010 đến nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Kim Khí Việt*
- Từ tháng 10/2015 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó giám Công ty Cổ phần Thép Mê Lin*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch HĐQT – Phó giám đốc Công ty cổ phần Thép Mê Lin
 - Chức vụ ở tổ chức khác : Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Kim Khí Việt
 - Số cổ phần nắm giữ: : 6.750.000 cổ phần, chiếm 45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Trong đó:
- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 6.750.000 cổ phần, chiếm 45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 00 cổ phần
 - Số lượng cổ phần của người có liên quan : 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Trong đó: Con trai: Lê Hồng Minh sở hữu 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

HỌ TÊN: ĐỖ THỊ KIEM

- Số CMND : 010321284 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 16/03/2005
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 11/5/1959
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Thanh Hóa
 - Địa chỉ thường trú : Ngách 137 Ngõ Quỳnh-Thanh Nhàn-Hai Bà Trưng-Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
 - Quá trình Công tác
 - Từ 1981 đến 1995 : Nhân viên Tổng công ty cơ khí Lâm Nghiệp*
 - Từ 1995 đến 2006 : Kế toán trưởng Tổng công ty Lâm Nghiệp Việt Nam*
 - Từ 2006 đến 2009 : Trưởng phòng kiểm toán Tổng công ty Lâm Nghiệp Việt Nam*
 - Từ 2009 – tháng 10/2010 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Thép Mê Lin*
 - Từ tháng 10/2015 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thép Mê Lin*
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thép Mê Lin
 - Chức vụ ở tổ chức khác : Không
 - Số cổ phần nắm giữ: : 1.800 cổ phần, chiếm 0,012% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Trong đó:
- + *Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 1.800 cổ phần, chiếm 0,012% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty*
 - + *Số lượng cổ phần đại diện : 00 cổ phần*

sở hữu

- Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Bảng số 1: Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	76	100
Đại học và trên đại học	23	30.26
Cao đẳng	10	13.16
Trung cấp	4	5.26
Công nhân kỹ thuật	33	43.42
Lao động phổ thông	6	7.89
Phân loại theo giới tính	76	100
Nam	55	72.37
Nữ	21	27.63

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

✦ Chính sách lương thưởng

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Bảng số 2: Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	711.534.575.119	649.014.502.114	-8.78%
Doanh thu thuần	1.024.325.432.249	1.075.700.369.660	+5,01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.100.945.108	8.489.968.918	-66.17%
Lợi nhuận khác	(6.978.320.853)	204.288.092	
Lợi nhuận trước thuế	18.122.624.255	8.694.257.010	-52.02%
Lợi nhuận sau thuế	14.203.160.467	6.872.833.478	-51,61%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1.08	1.13	
Hệ số thanh toán nhanh <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0.31	0.26	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	75	72	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	300.1	251.1	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho	Vòng	2.6	2.6	
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	Lần	1.44	1.66	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.4	0.6	
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2.45	0.79	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8	3.7	
Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản	%	2	1.1	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu)

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 15.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 15.000.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/03/2020

Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước		15.000.000	100%
1.1	Tổ chức	0	0	0
1.2	Cá nhân		15.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
2.1	Tổ chức	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng Cộng			15.000.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp chủ yếu là điện năng. Là ngành sản xuất công nghiệp nặng nên chi phí năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của công ty.

Công ty sử dụng các thiết bị đồng bộ nhằm tối ưu trong việc tiết kiệm năng lượng. Ngoài ra, công tác kiểm soát định mức năng lượng rất được chú trọng, các khâu sản xuất được trang bị hệ thống đo đếm tiêu thụ năng lượng riêng để theo dõi mức tiêu hao từ đó có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nhà máy nước sạch Quang Minh.
- Lượng nước sử dụng: 613m³/tháng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Lượng nước thải phải xử lý trung bình 490m³/tháng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2016	2017	2018	2019
Lao động bình quân (người)	111	111	105	105
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	7.500.000	8.000.000	8.500.000	8.500.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: trang bị BHLĐ, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp

thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Công ty có thêm các chính sách ưu đãi đối với người lao động như:

- Có nhà ở cho 100% CB-CNV có nhu cầu, miễn phí chỗ ở, sử dụng điện nước.
- Có nhà ăn cho CB-CNV (ăn 3 bữa, trong đó có 02 bữa miễn phí: bao gồm 01 bữa chính, bữa sáng, bữa tối được hỗ trợ 1/2).
- Có xe đưa đón CB - CNV từ Hà Nội đến Công ty và ngược lại

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: Thực hiện các công tác xã hội, ủng hộ, đóng góp cho các hội đoàn, công tác tại địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2018 của công ty:

- Doanh thu đạt 1.075,7 tỷ đồng tăng hơn 5,02% so với năm 2018 nhưng lợi nhuận sau thuế 6,8 tỷ đồng sụt giảm tương ứng 51,6% so với năm 2018. Hoạt động đầu tư của công ty trong lĩnh vực bất động sản tại dự án 75 Tam Trinh đã hoàn. Dự án đầu tư nhà máy liên hiệp cast xê thép và chế biến than tại Hải phòng đã hoàn thiện giai đoạn 1 và đã đi vào hoạt động ổn định, tăng trưởng có lãi trong năm 2019
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 là 184,7 tỷ tăng 3,7% so với năm 2018.
- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2019 là 649,1 tỷ giảm 9,6% so với năm 2018

- Tổng nộp ngân sách nhà nước 1,8 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng số 5: Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm/
Tài sản ngắn hạn	575.572.956.560	521.281.637.558	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	23.518.729.159	17.276.237.550	
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	144.167.449.770	101.692.783.498	
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>105.965.867.048</i>	<i>84.854.187.581</i>	
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>1.930.245.522</i>	<i>464.870.569</i>	
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>			
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>42.323.994.361</i>	<i>25.447.996.949</i>	
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(6.052.657.161)</i>	<i>(9.074.271.601)</i>	
3. Hàng tồn kho	396.852.846.102	397.138.165.275	
4. Tài sản ngắn hạn khác	11.033.931.529	5.174.451.235	
Tài sản dài hạn	135.961.618.559	127.732.864.556	
1. Các khoản phải thu dài hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	
2. Tài sản cố định	77.337.875.458	88.905.366.103	
3. Tài sản dở dang dài hạn	20.887.693.060	20.887.693.060	
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>20.887.693.060</i>	<i>2.293.805.293</i>	
4. Tài sản dài hạn khác	7.736.050.041	6.533.693.160	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Bảng số 6: Tình hình công nợ

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	533.696.507.197	464.303.600.714
I. Nợ ngắn hạn	532.205.707.197	462.332.540.714
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	474.568.859.036	423.125.886.204
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	51.711.118.234	33.801.390.634

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2018 <i>(Đồng)</i>	Năm 2019 <i>(Đồng)</i>
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.115.260.359	1.594.332.073
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	920.885.760	284.908.482
5. Phải trả người lao động		588.905.189
6. Chi phí phải trả	516.334.899	488.254.459
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		7.516.400
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-
II. Nợ dài hạn	1.490.800.000	1.971.060.000

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2019 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Với đặc thù là ngành sản xuất kinh doanh sắt thép nên công ty sẽ tập trung nhiều hơn nữa vào sản xuất, gia công từ mở rộng thị trường, nâng cao năng suất người lao động cho đến mua sắm thêm máy móc phục vụ cho việc nâng cao công suất cắt, xẻ, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường
- Liên doanh hợp tác đầu tư xây dựng với các đối tác khác để có thể cung cấp thép xây dựng, thép thành phẩm vào các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Đầu tư, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp khác vào lĩnh vực Logistic...
- Đầu tư nhà xưởng cho thuê

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã Chỉ đạo các phòng ban xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

- Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.
- Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn năm 2019 tới các phòng ban trong toàn hệ thống.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 04 nghị quyết/quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	18/2019/NQ-HĐQT	05/04/2019	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2019 và triển khai kế hoạch Quý II/2019
2	22/2019/NQ-HĐQT	05/07/2019	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II/2019 và triển khai kế hoạch Quý III/2019
3	25/2019/NQ-HĐQT	05/09/2019	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý III/2019 và triển khai kế hoạch Quý IV/2019
4	28/2019/NQ-HĐQT	05/01/2020	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV/2019 và triển khai kế hoạch Quý I/2020

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo chấp hành đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Ban lãnh đạo công ty nhận định xu hướng tăng trưởng, những khó khăn và thuận lợi của ngành thép trong năm 2020 để có kế hoạch trong hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả:

- Phát huy hiệu quả công suất các dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng và năng lực sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, quản trị rủi ro, các quy trình quy chế phù hợp với quy định hiện hành đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả.
- Nâng cao hiệu quả các kênh bán hàng, mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới, nắm bắt nhu cầu thị trường, theo dõi sản lượng, giá bán, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng, phải thu, tỷ giá, lãi suất ...để có kế hoạch sản xuất và đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời.
- Thực hiện công tác rà soát quản lý, tiết kiệm chi phí giúp công ty đạt kết quả khả quan.
- Tăng tỷ trọng các mặt hàng thép có biên lợi nhuận cao dựa trên quy trình sản xuất, gia công khép kín của Công ty...

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thép Mê Lin hiện tại có 04 (bốn) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong năm 2019, có 1 thành viên quản trị xin rút

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Hương Giang	Chủ tịch HĐQT	Điều hành
2	Ông Phạm Quang	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Bà Bạch Thị Ngọc Thúy	Thành viên HĐQT	Không điều hành

HỌ TÊN: LÊ THỊ HƯƠNG GIANG

Đã nêu trong phần Lý lịch Thành viên Ban điều hành

HỌ TÊN: PHẠM QUANG

Đã nêu trong phần Lý lịch Thành viên Ban điều hành

HỌ TÊN: BẠCH THỊ NGỌC THÚY

- Số CMND : 001168009803 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày

- 21/04/2017
- Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 09/10/1968
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Hưng Nguyên – Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú : B14 – Lô E9 – Phạm Hùng – Trung Hòa- Cầu Giấy – Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Chức vụ công tác hiện nay :
tại Công ty : Không
 - Chức vụ ở tổ chức khác :
 - Số cổ phần nắm giữ: : Không

Trong đó:

- + *Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu* :
 - + *Số lượng cổ phần đại diện sở hữu* :
 - Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Thư ký Hội đồng quản trị*
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2019

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	18/2019/NQ-HĐQT	05/04/2019	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2019 và triển khai kế hoạch Quý II/2019

2	22/2019/NQ-HĐQT	05/07/2019	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II/2019 và triển khai kế hoạch Quý III/2019
3	25/2019/NQ-HĐQT	05/09/2019	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý III/2019 và triển khai kế hoạch Quý IV/2019
4	28/2019/NQ-HĐQT	05/01/2020	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV/2019 và triển khai kế hoạch Quý I/2020

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thế Giang	Trưởng ban kiểm soát
2	Ông Lê Minh Hải	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Ông Chu Đức Khương	Ủy viên Ban Kiểm soát

HỌ TÊN: NGUYỄN THẾ GIANG

- Số CMND : 142004824
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/08/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Dương

- Địa chỉ thường trú : 135, phố Chương Dương, P. Trần Phú – TP Hải Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kế toán – tài chính
- Quá trình Công tác

Trước năm 2007 : *Kế toán tại Công ty TNHH NN MTV Giày Thụy Khuê*

Từ năm 2007 đến năm T10/2015 : *Công ty CP thép Mê Lin*

Từ T10/2015 đến nay : *Công ty CP thép Mê Lin*

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phòng XNK
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: : 700

Trong đó:

- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 700
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

HỌ TÊN: LÊ MINH HẢI

- Số CMND : 111537371 ngày cấp: 03/05/1998
Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/08/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phú Xuyên Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : Thị trấn Phú Minh – Phú Xuyên – Hà Tây

- Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Đại học Bách Khoa
 - Quá trình Công tác
 - Từ năm 2003 đến năm 2013* : *Tổ trưởng tổ vận hành Công ty TNHH Thép Mê Lin*
 - Từ năm 2013 đến T10/2015* : *Quản đốc phân xưởng sản xuất Công ty TNHH Thép Mê Lin*
 - Từ T10/2015 đến nay* : *Thành viên BKS - Quản đốc phân xưởng sản xuất Công ty cổ phần Thép Mê Lin*
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên BKS - Quản đốc phân xưởng sản xuất Công ty cổ phần Thép Mê Lin
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 - Số cổ phần nắm giữ: : 2.100 cổ phần, chiếm 0,014% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.
- Trong đó:
- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 2.100 cổ phần, chiếm 0,014% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.
 - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : không
 - Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

HỌ TÊN: CHU ĐỨC KHƯƠNG

- Số CMND : 011941041 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 08/04/1996
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/06/1965
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quốc quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 107/528 Ngô Gia Tự, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình Công tác

Từ tháng 01/1991 đến tháng 02/2000 : Công nhân Công ty Cầu 5 Thăng Long

Từ tháng 03/2000 đến tháng 05/2000 : Kỹ sư cầu Công ty Cầu 5 Thăng Long

Từ tháng 06/2000 đến tháng 09/2006 : Đội phó, kỹ sư cầu Công ty Cầu 5 Thăng Long

Từ tháng 07/2008 đến tháng 12/2012 : Trưởng phòng Quản lý sản xuất Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 01/2013 đến tháng 09/2015 : Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ Điện Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 10/2015 đến nay : Thành viên BKS - Giám sát xây dựng Công ty Cổ phần Thép Mê Lin

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên BKS - Giám sát xây dựng Công ty Cổ phần Thép Mê Lin
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: : 1.575 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Trong đó:

- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 1.575 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 00 cổ phần
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với : Không

Công ty

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban giám đốc (BGĐ) năm 2019 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGĐ trong năm 2019;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BGĐ về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đối với HĐQT và BGĐ;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao (HĐQT, BKS, BGĐ)	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Hương Giang	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	
2	Ông Phạm Quang	Thành viên HĐQT	18.000.000	
3	Ông Lê Hồng Minh	Thành viên HĐQT	18.000.000	Đã từ nhiệm ngày 15/07/2019
4	Bà Bạch Thị Ngọc Thúy	Thành viên HĐQT	18.000.000	
5	Ông Nguyễn Thế Giang	Trưởng ban BKS	14.400.000	
6	Ông Lê Minh Hải	Thành viên BKS	7.200.000	
7	Ông Chu Đức Khương	Thành viên BKS	7.200.000	

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thép Mê Lin và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://melinsteel.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MÊ LIN



LÊ THỊ HƯƠNG GIANG